TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẮC MÊ** TỈNH HÀ GIANG	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 04/2021/QĐST-HNGĐ	*Bắc Mê, ngày 25 tháng 01 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 64/2020/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 12 năm 2020 giữa:

- Nguyên đơn: Chị Tô Thị T; sinh năm 1974.
Nơi cư trú: Tổ 5 thị trấn Y, huyện B, tỉnh Hà Giang.
Nghề nghiệp: Cán bộ.

- Bị đơn: Anh Phan Văn C; sinh năm 1975.
Nơi cư trú: Tổ 5 thị trấn Y, huyện B, tỉnh Hà Giang.
Nghề nghiệp: Cán bộ.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 55, 58, 81, 82, 83, 110, 116 và Điều 117 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 3 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 7 Điều 26, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 15 tháng 01 năm 2021.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 15 tháng 01 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Tô Thị T và anh Phan Văn C.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau

- Quan hệ hôn nhân: Chị Tô Thị T và anh Phan Văn C thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Chị Tô Thị T và anh Phan Văn C thỏa thuận.

Giao cho chị Tô Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung cháu Phan Thị T, sinh ngày 07/11/2009.

Anh Phan Văn C có trách nhiệm đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cháu Phan Thị T, sinh ngày 07/11/2009 mỗi tháng 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng), chị Tô Thị T là người trực tiếp nhận tiền cấp dưỡng hằng tháng, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 02 năm 2021 cho đến khi cháu Phan Thị T đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Sau khi ly hôn anh Phan Văn C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, công nợ chung của vợ chồng tự thỏa thuận: Không yêu cầu giải quyết.

- Về án phí: Chị Tô Thị T tự nguyện chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn 150.000đ và tiền án phí cấp dưỡng nuôi con 150.000đ được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), chị Tô Thị T đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Mê theo biên lai số 04497 ngày 21/12/2020.

Anh Phan Văn C không phải chịu tiền án phí.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh H;
- VKSND huyện B;
- UBND xã P;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện B;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN
(Đã ký)

Dương Văn Công